

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2021/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2020.

* Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị B** - Sinh năm 1991.

* Bị đơn: Anh **Triệu Văn T** - Sinh năm 1990.

Đều cư trú tại: Thôn L, xã D, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị B và anh Triệu Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị B và anh Triệu Văn T thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Anh Triệu Văn T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Triệu Kim H, sinh ngày 27/4/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Hoàng Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Triệu Kim H là 1.000.000^d (Một triệu đồng), kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại điều 357 của Bộ luật Dân sự:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* *Về tài sản chung*: Chị Hoàng Thị B và anh Triệu Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về vay nợ chung*: Chị Hoàng Thị B và anh Triệu Văn T không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí*: Chị Hoàng Thị B tự nguyện chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 03786 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện Ba Bể;
- Đương sự;
- UBND xã D;
- (Nơi ĐKKH)
- T.H.ADS huyện Ba Bể;
- TA tỉnh BK (Kèm BBTN)
- Lưu HSVA;
- Lưu VP;

THẨM PHÁN

Ma Thị Nguyên

